

Khi những cơn gió ngược qua đi, thị trường chứng khoán đã lấy lại điểm số một cách mạnh mẽ trong tháng Năm. Kết quả kinh doanh quý 1 vượt ngoài mong đợi là nền tảng cho sự phục hồi của thị trường. Bên cạnh đó, dữ liệu lạm phát tại Mỹ trở lại quỹ đạo hạ nhiệt đã củng cố niềm tin cho thị trường toàn cầu cũng như trong nước về triển vọng cắt giảm lãi suất của FED.

Bước sang tháng Sáu, khi mùa KQKD quý 2 vẫn chưa sôi động, những yếu tố vĩ mô trong và ngoài nước vẫn là những nhân tố xúc tác chính trên thị trường chứng khoán. Ở khía cạnh này, chúng tôi đang thấy rằng (1) Dữ liệu vĩ mô Việt Nam mới đây ghi nhận sự tích cực về sản xuất và tiêu dùng, củng cố cho triển vọng tăng trưởng GDP quý 2 khả quan, (2) Về thị trường tiền tệ, mặc dù áp lực tỷ giá liên tục mạnh trong thời gian gần đây và NHNN đã có những hành động quyết liệt để giảm áp lực cho tỷ giá, chúng tôi kỳ vọng lãi suất điều hành và lãi suất trong nền kinh tế sẽ chưa có biến động bất thường, (3) Tâm điểm thị trường sẽ hướng về các cuộc họp “quyết định lãi suất” của các NHTW lớn bao gồm BoC, ECB, BoJ, FED, và BoE. Chúng tôi kỳ vọng BoC, ECB, và BoE sẽ lần lượt thực hiện đợt cắt giảm lãi suất đầu tiên sau 2 năm, trong khi đó FED vẫn giữ nguyên lãi suất hiện tại nhưng thông điệp đưa ra sẽ “Bỏ Câu” hơn dựa trên những dữ liệu về tăng trưởng, lạm phát và việc làm mới đây, và cuối cùng (4) Chính phủ đã trình Ủy ban thường vụ Quốc Hội hồ sơ để nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung các Luật: Đất đai, Nhà ở, Kinh doanh bất động sản, và Luật các tổ chức tín dụng có hiệu lực sớm hơn kế hoạch ban đầu. Nếu được thông qua trong tháng Sáu, sự tích cực từ nhóm cổ phiếu bất động sản (chiếm 14% vốn hóa rổ VNIndex) có thể tác động tích cực đến thị trường.

Về điểm số, chúng tôi kỳ vọng VN Index sẽ giao dịch trong biên độ 1.250-1.320 trong tháng Sáu. Trong kịch bản cơ sở, kỳ vọng diễn biến vĩ mô tích cực có thể giúp chỉ số duy trì động lượng vượt đỉnh cũ ngắn hạn mới đây. Ở chiều ngược lại, áp lực tỷ giá mạnh hơn có thể khiến NHNN khó giữ được định hướng mặt bằng lãi suất hiện tại và gián tiếp tác động tiêu cực lên kỳ vọng của nhà đầu tư cũng như điểm số của thị trường.

Với kỳ vọng triển vọng tăng trưởng kinh tế quý 2 khả quan sẽ lấn át bối cảnh không mấy thuận lợi của thị trường tiền tệ, chúng tôi cho rằng NĐT vẫn có thể tích lũy cổ phiếu của các doanh nghiệp mà lợi nhuận có thể phục hồi dần theo quý, hoặc tăng trưởng theo năm trong các nhịp giằng co của thị trường trong tháng Sáu. Về cổ phiếu, Thép là một trong những ngành chúng tôi ưa thích trong tháng tới với cổ phiếu **HPG**, và **GDA**. Ngoài ra, **IMP** cũng là một cổ phiếu được chúng tôi đánh giá cao nhờ việc hưởng lợi Luật đầu thầu quy định về việc sử dụng thuốc nội địa có hiệu lực từ đầu năm 2024.

2024	3,0%	7,6%	2,5%	-5,8%	4,3%							
2023	10,3%	-7,8%	3,9%	-1,5%	2,5%	4,2%	9,2%	0,1%	-5,7%	-10,9%	6,4%	3,3%
2022	-1,3%	0,8%	0,1%	-8,4%	-5,4%	-7,4%	0,7%	6,1%	-11,6%	-9,2%	2,0%	-3,9%
2021	-4,3%	10,6%	2,0%	4,0%	7,2%	6,1%	-7,0%	1,6%	0,8%	7,6%	2,4%	1,3%
2020	-2,5%	-5,8%	-24,9%	16,1%	12,4%	-4,6%	-3,2%	10,4%	2,7%	2,2%	8,4%	10,0%
2019	2,0%	6,0%	1,6%	-0,1%	-2,0%	-1,0%	4,4%	-0,8%	1,3%	0,2%	-2,8%	-1,0%
2018	12,8%	1,0%	4,7%	-10,6%	-7,5%	-1,1%	-0,5%	3,5%	2,8%	-10,1%	1,3%	-3,7%
2017	4,9%	1,9%	1,6%	-0,6%	2,8%	5,2%	0,9%	-0,1%	2,8%	4,1%	13,5%	3,6%
2016	-5,8%	2,6%	0,3%	6,6%	3,4%	2,2%	3,2%	3,4%	1,6%	-1,4%	-1,6%	0,0%
2015	5,6%	2,9%	-7,0%	2,0%	1,3%	4,1%	4,7%	-9,1%	-0,4%	8,0%	-5,6%	1,0%
2014	10,3%	5,4%	0,9%	-2,3%	-2,8%	2,9%	3,1%	6,8%	-5,9%	0,3%	-5,7%	-3,7%
2013	16,0%	-1,1%	3,5%	-3,4%	9,2%	-7,2%	2,2%	-3,9%	4,2%	1,0%	2,1%	-0,6%
2012	10,4%	9,2%	4,1%	7,4%	-9,4%	-1,6%	-1,9%	-4,5%	-0,9%	-1,1%	-2,7%	9,5%
2011	5,4%	-9,6%	-0,1%	4,1%	-12,2%	2,7%	-6,2%	4,7%	0,7%	-1,6%	-9,5%	-7,7%
2010	-2,6%	3,1%	0,5%	8,6%	-6,4%	-0,1%	-2,6%	-7,9%	-0,1%	-0,4%	-0,2%	7,3%
2009	-3,9%	-19,0%	14,2%	14,6%	28,0%	8,9%	4,1%	17,1%	6,2%	1,1%	-14,1%	-1,9%
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rong Việt



Ban Chiến lược

Nguyễn Thị Phương Lam

lam.ntp@vdsc.com.vn

Lê Tự Quốc Hưng

hung.ltq@vdsc.com.vn

Trần Thị Ngọc Hà

ha.ttn@vdsc.com.vn

Phan Thị Phương Thảo

thao.ptp@vdsc.com.vn

NỘI DUNG

TT CHỨNG KHOÁN THÁNG NĂM: PHỦ ĐỊNH HIỆU ỨNG THÁNG 5	3
TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG SÁU: VỮNG VÀNG TRONG CHẶNG ĐƯỜNG CUỐI	10
CHIẾN LƯỢC VÀ Ý TƯỞNG ĐẦU TƯ THÁNG SÁU	13
DANH SÁCH CỔ PHIẾU QUAN TÂM	16

55 mã cổ phiếu được CTCK Rồng Việt nghiên cứu (tìm hiểu, trao đổi thông tin với doanh nghiệp) và có những phân tích, đánh giá cụ thể trong các “Báo cáo phân tích công ty” hoặc “Nhật ký chuyên viên” phát hành từ trước đến nay.



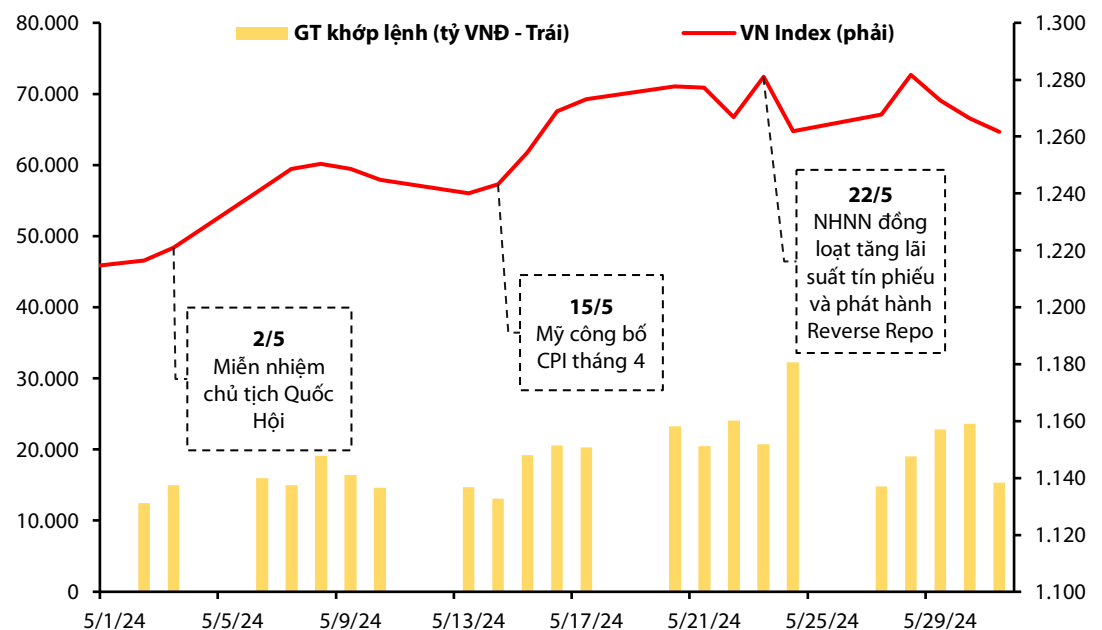
TT CHỨNG KHOÁN THÁNG NĂM: PHỦ ĐỊNH HIỆU ỨNG THÁNG 5

Thị trường chứng khoán toàn cầu hồi phục trong tháng Năm, được hỗ trợ bởi các yếu tố vĩ mô kết hợp với kết quả kinh doanh Q1 ấn tượng của các công ty công nghệ.

- Thị trường chứng khoán Mỹ hồi phục đáng kể trong tháng 5. Yếu tố then chốt hỗ trợ cho sự tăng vọt của thị trường là việc công bố dữ liệu chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 4. Trái ngược với ba tháng trước đó vượt quá dự báo, CPI tháng 4 đã đạt hoặc thấp hơn một chút so với dự báo. Điều này cho thấy lạm phát có khả năng giảm bớt, xoa dịu lo lắng của các nhà đầu tư về việc lãi suất tăng.
- Thị trường chứng khoán Châu Âu vẫn giữ được đà tăng. Bất chấp sự lạc quan ban đầu được thúc đẩy bởi kết quả kinh doanh ấn tượng và các dấu hiệu phục hồi kinh tế ở Anh, triển vọng cắt giảm lãi suất của các NHTW ở châu Âu bị ảnh hưởng khi dữ liệu lạm phát bất ngờ từ Anh, và các nước Châu Âu khác đã khiến các nhà đầu tư giảm bớt sự lạc quan.
- Thị trường chứng khoán Nhật Bản giữ được sự lạc quan, mặc dù nền kinh tế yếu và Ngân hàng trung ương Nhật Bản (BOJ) có khả năng thắt chặt chính sách tiền tệ. Yếu tố hỗ trợ tâm lý nhà đầu tư đến từ kết quả kinh doanh quý 1 tăng trưởng và sự can thiệp đồng Yên của BoJ.
- Thị trường chứng khoán Trung Quốc đang phải vật lộn với những yếu tố trái chiều. Chính phủ Trung Quốc đã tung gói cứu trợ bất động sản bao gồm việc giảm yêu cầu thanh toán thế chấp và cho phép các thành phố tự thiết lập lãi suất thế chấp. Ở chiều ngược lại, việc Mỹ có khả năng giữ lãi suất cao kéo dài đã làm giảm sự lạc quan của giới đầu tư Trung Quốc.

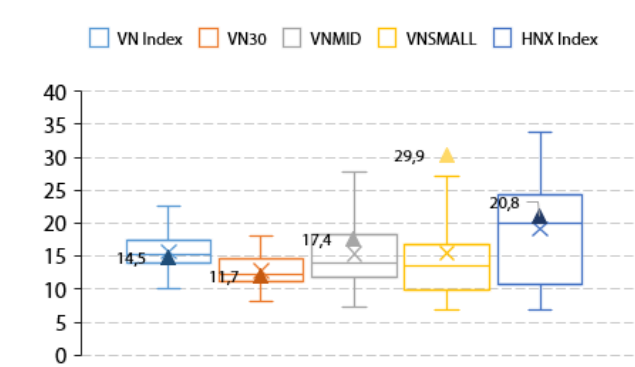
Kết quả kinh doanh quý 1 tích cực đã làm nền tảng hỗ trợ cho thị trường chứng khoán Việt Nam lấy lại đà tăng trong tháng 5 sau những biến động mang tính chất tâm lý. Ngoài ra, sự phục hồi tích cực của chứng khoán toàn cầu sau khi dữ liệu lạm phát Mỹ hạ nhiệt trở lại cũng đã lan tỏa thêm vào đà phục hồi của thị trường chung. Dù biên độ tăng điểm có phần co hẹp khi về cuối tháng khi những biến động tỷ giá tác động lên tâm lý giao dịch của nhà đầu tư, VN Index vẫn giữ được sắc xanh và dừng chân ở mức 1.261,72 điểm, tăng 4,32% so với tháng trước.

Hình 1: VN Index, Tháng 5/2024



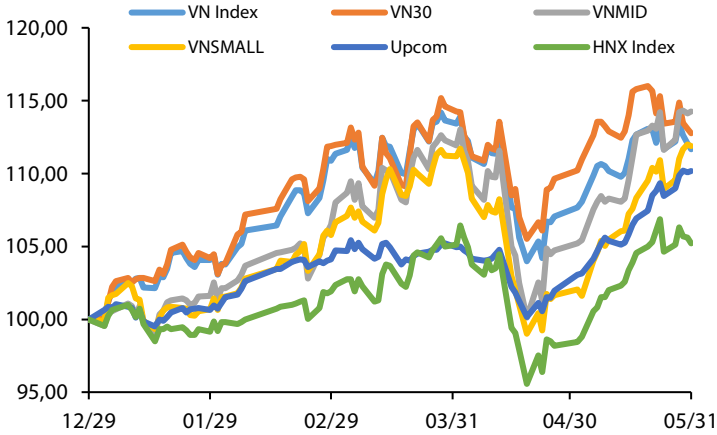
Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Hình 2: Phân phối P/E của các nhóm chỉ số (2018 - hiện tại)



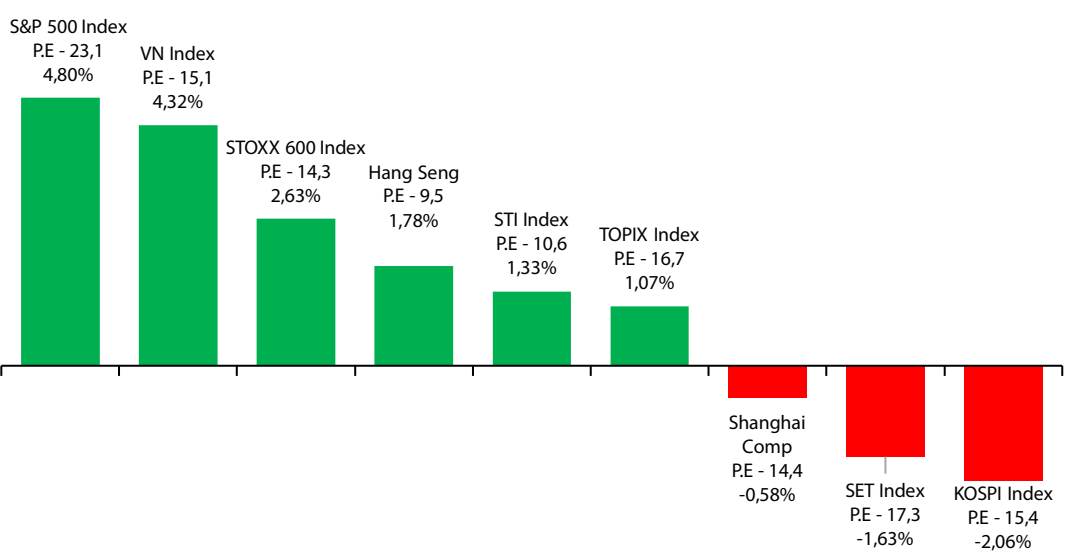
Nguồn: Bloomberg, CTCK Rông Việt
X: P/E trung bình 5 năm
▲: P/E hiện tại (Giá tại ngày 31/05/2024)

Hình 3: Diễn biến của các nhóm chỉ số kể từ đầu năm



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rông Việt

Hình 4: Diễn biến lợi nhuận các chỉ số toàn cầu Tháng 5/2024



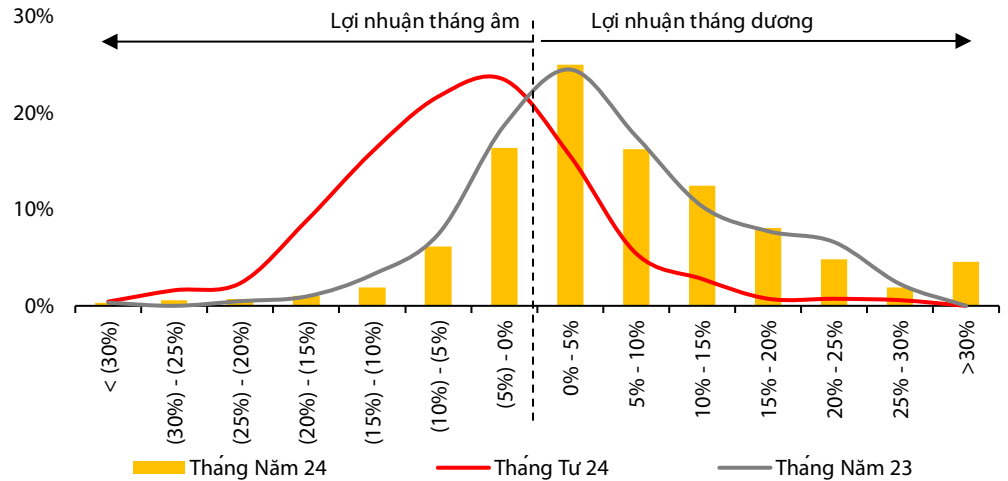
Nguồn: Bloomberg, CTCK Rông Việt

Bảng 1: Thanh khoản hàng ngày trong 12 tháng qua (tỷ đồng) – Thanh khoản hàng ngày trong Tháng 5 điều chỉnh giảm -20,4% MoM

	VN Index	VN30	VNMID	VNSMALL	Upcom	HNX Index
Thg5-24	19.313	7.927	8.657	1.672	629	1.952
Thg4-24	24.262	9.015	12.030	2.317	622	2.244
Thg3-24	19.062	8.166	8.482	1.725	617	1.525
Thg2-24	15.021	6.250	6.822	1.497	490	1.286
Thg1-24	13.563	4.776	6.972	1.314	435	1.564
Thg12-23	14.904	5.085	7.769	1.404	503	1.935
Thg11-23	13.052	4.739	6.590	1.375	596	1.747
Thg10-23	21.270	7.828	10.086	2.270	969	2.114
Thg9-23	20.388	7.783	9.280	2.184	921	2.077
Thg8-23	16.620	6.157	7.947	2.041	809	1.625
Thg7-23	15.105	5.378	7.233	1.975	744	1.740
Thg6-23	10.626	3.438	5.194	1.623	562	1.490

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rông Việt

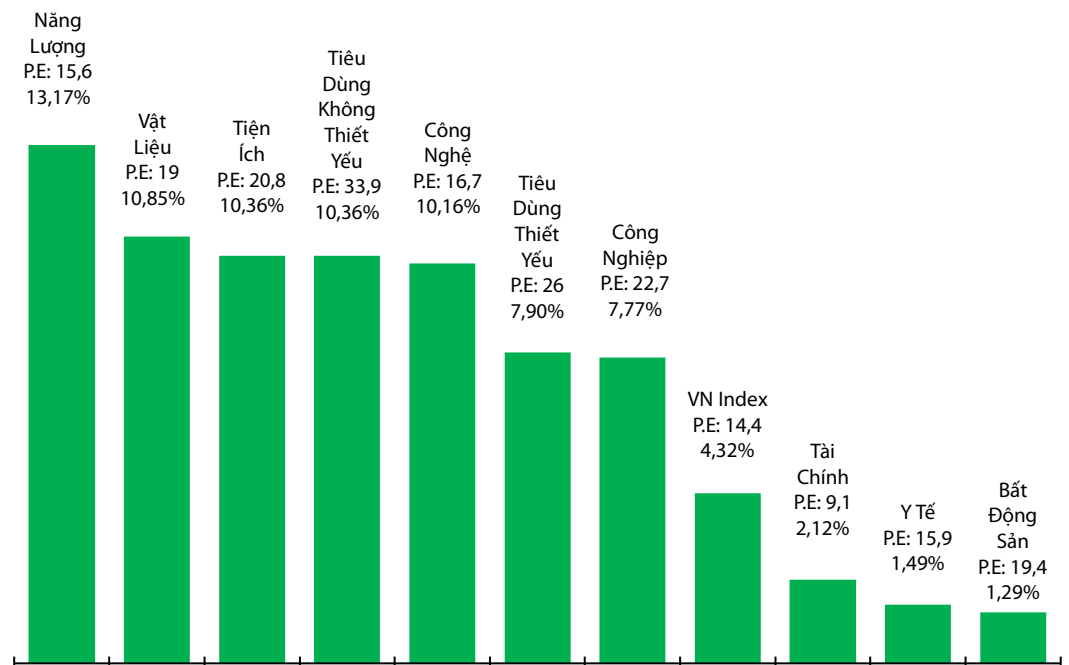
Hình 5: Phân phối lợi nhuận tháng trên sàn HSX và HNX – Đà tăng diễn ra trên diện rộng với 73% số cổ phiếu ghi nhận sự tăng điểm



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

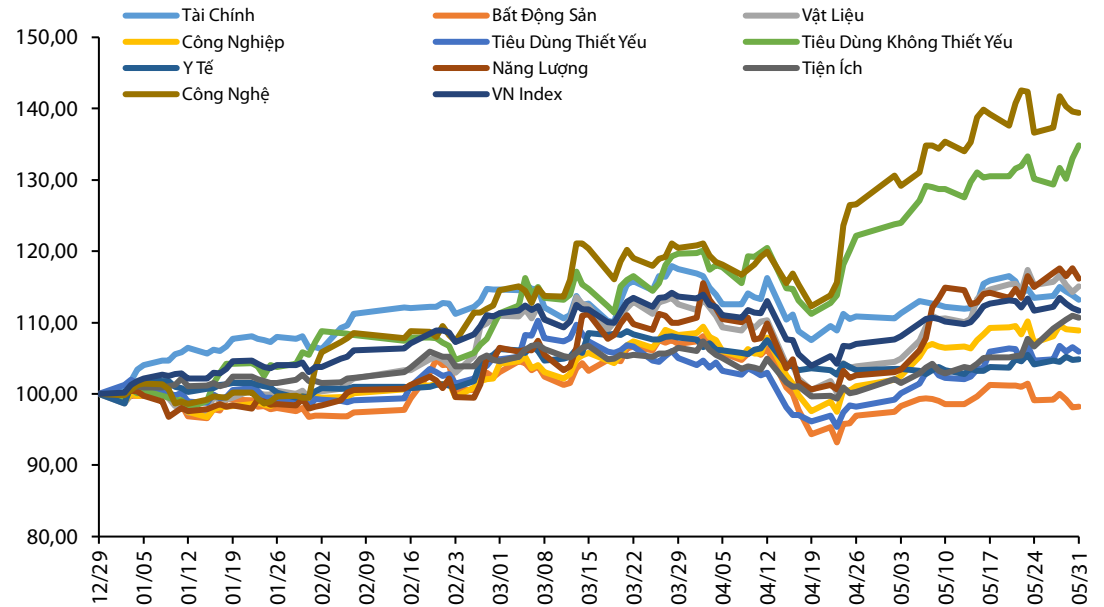
Trong số các nhóm ngành dựa trên chuẩn GICS, đa số các nhóm ngành đều tăng điểm trong đó 7/10 nhóm ngành có hiệu suất tốt hơn thị trường chung. **Năng lượng (+13,7%)** và **vật liệu (10,85%)** là hai nhóm dẫn đầu xu hướng tăng của thị trường chung. Trong đó, **PXL (+19,34%)** dẫn dắt đà tăng của nhóm ngành năng lượng.

Hình 6: Suất sinh lời các nhóm ngành trong Tháng 5/2024



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

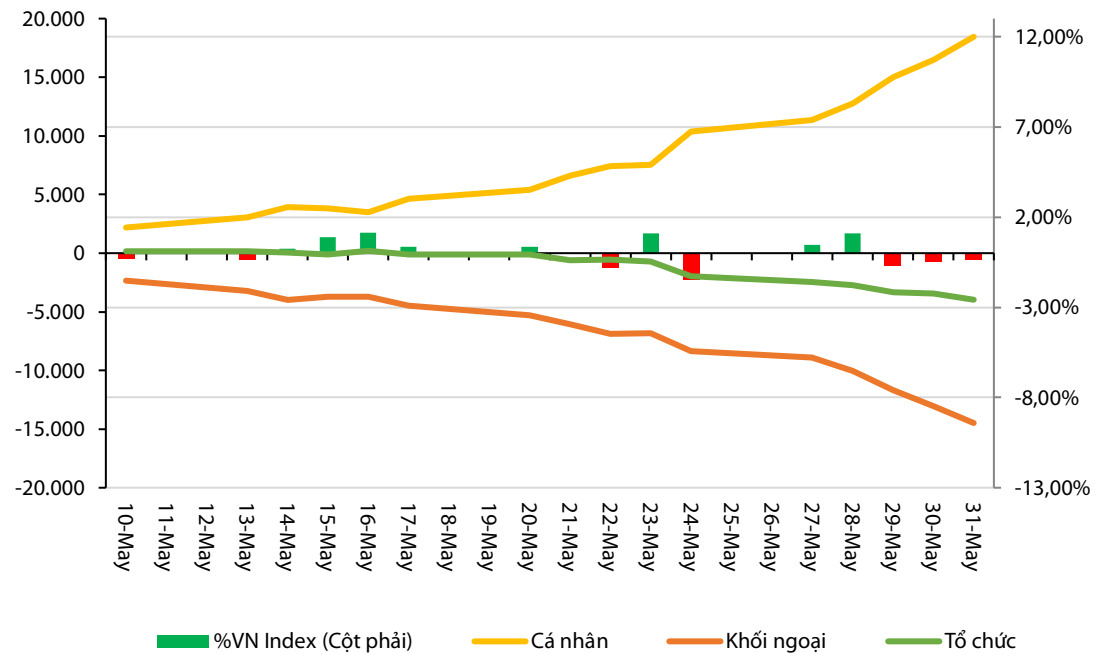
Hình 7: Diễn biến các nhóm ngành trong từ đầu năm



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư - Khối ngoại vẫn bán ròng mạnh

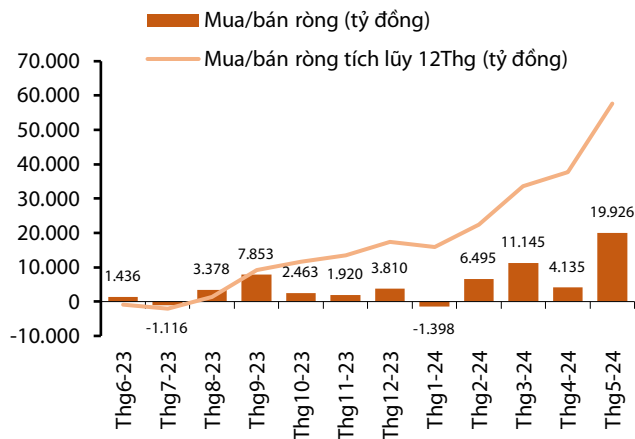
Hình 8: Diễn biến vị thế ròng giữa các nhóm NĐT theo ngày trong Tháng 5/2024 (Tỷ đồng)



Nguồn: FiinPro, CTCK Rồng Việt

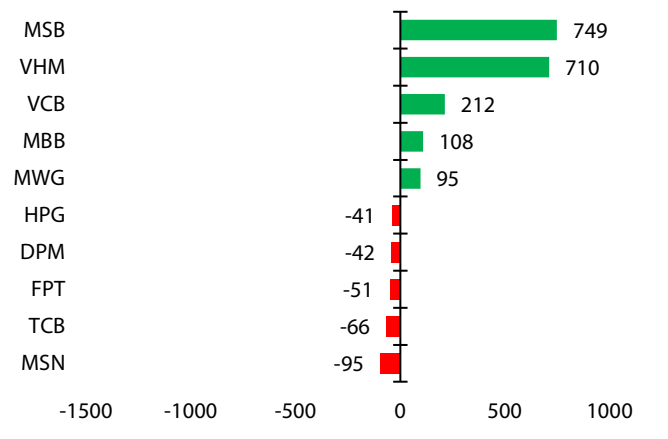
Các nhà đầu tư cá nhân mua ròng đáng kể với 19.926 tỷ đồng. Lũy kế mua ròng 12 tháng của nhóm nhà đầu tư cá nhân cũng tiếp tục nâng lên con số 57.665 nghìn tỷ đồng. Ngoài ra, hình 10 cung cấp bản tóm tắt các cổ phiếu được các nhà đầu tư cá nhân trong nước giao dịch đáng chú ý.

Hình 9 : Hoạt động giao dịch của các nhà đầu tư cá nhân trong nước trên sàn HSX



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rống Việt

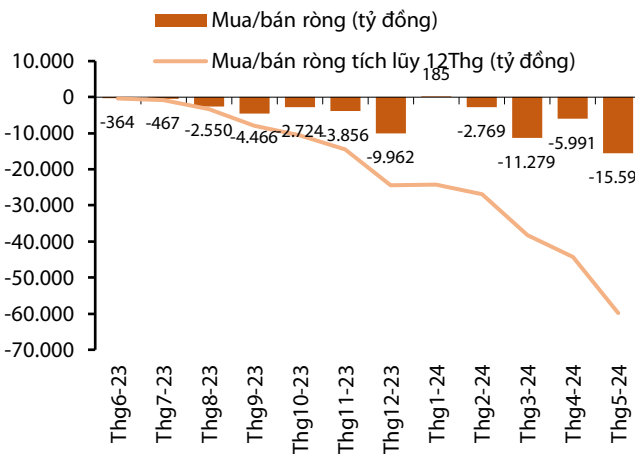
Hình 10: Các cổ phiếu được mua/bán mạnh nhất bởi nhà đầu tư cá nhân trong nước tại sàn HSX trong Tháng 5/2024 (tỷ đồng)



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rống Việt

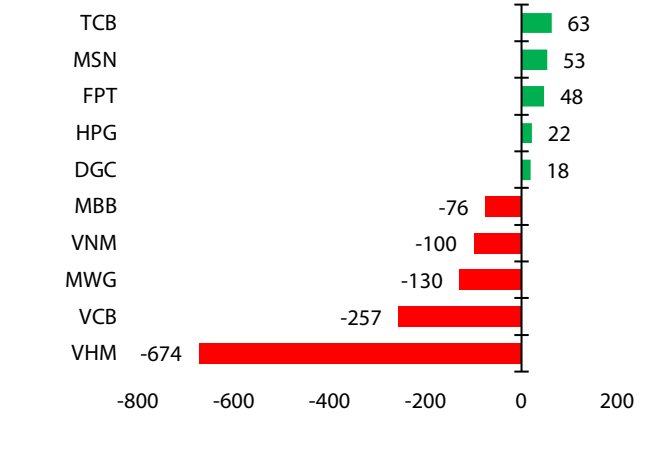
Khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh trong tháng năm với con số 15.591 tỷ, đà bán ròng của khối ngoại tăng mạnh so với tháng trước (hình 11). Nhìn chung đà bán ròng vẫn chưa dừng lại. Ngành Công nghệ thông tin, Tài nguyên cơ bản và Dầu khí là những ngành được khối ngoại mua ròng mạnh trong tháng (Bảng 2).

Hình 11: Hoạt động giao dịch của khối ngoại trên sàn HSX



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rống Việt

Hình 12: Các cổ phiếu được nhà đầu tư nước ngoài mua/bán nhiều nhất trên HOSE trong Tháng 5/2023 (tỷ đồng)



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rống Việt

Bảng 2: Giá trị khối ngoại mua ròng/bán ròng theo ngành trên sàn HOSE

Ngành	Giá trị giao dịch ròng (tỷ đồng)	Khối lượng giao dịch ròng (nghìn cổ phiếu)
Công nghệ Thông tin	46	323
Tài nguyên Cơ bản	25	611
Dầu khí	4	120
Y tế	1	25
Hóa chất	1	-952
Truyền thông	0	4
Viễn thông	0	0
Bảo hiểm	-1	-15
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-3	-484
Hàng cá nhân & Gia dụng	-3	211
Xây dựng và Vật liệu	-4	-352
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-14	-121
Du lịch và Giải trí	-14	-365
Ô tô và phụ tùng	-17	-1.074
Thực phẩm và đồ uống	-48	-396
Dịch vụ tài chính	-143	-5.722
Bán lẻ	-147	-2.243
Ngân hàng	-380	-9.365
Bất động sản	-735	-18.037

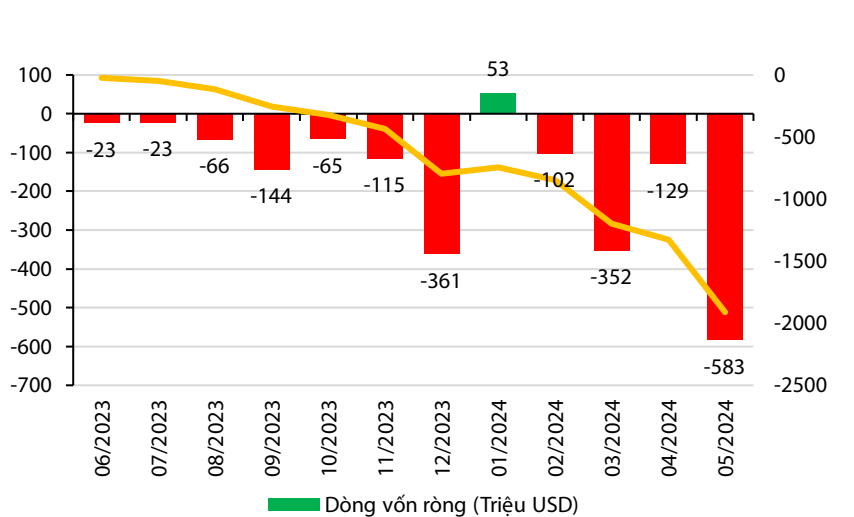
Nguồn: Fiinpro, CTCK Rống Việt

Bảng 3: Dòng vốn ngoại vào thị trường vốn niêm yết ở châu Á – Đà rút ròng diễn ra trên diện rộng ở thị trường Đông Nam Á

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)		
	1Thg	3Thg	TĐN
Nhật Bản	▲ 8.117	27.925	38.330
Đài Loan	▲ 2.708	-2.120	2.610
Maylaysia	▲ 314	27	-160
Sri Lanka	▼ -1	-1	-26
Philippines	▼ -174	-586	-423
Thái Lan	▼ -455	-347	-2.281
Việt Nam	▼ -583	-712	-1.113
Hàn Quốc	▼ -676	1.118	13.307
Indonesia	▼ -881	-2.021	-335
Ấn độ	▼ -3.023	-4.120	-2.762

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rổng Việt
TĐN: Từ đầu năm

Hình 13: Diễn biến dòng vốn nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam trong 12 tháng qua



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rổng Việt

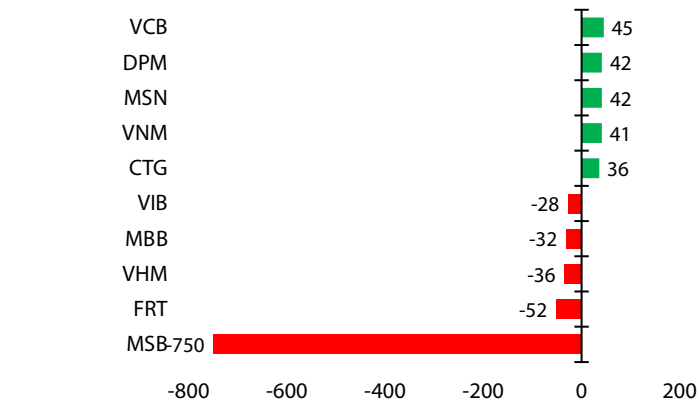
Bảng 4: Dòng vốn từ các quỹ ETF

Tên ETF	Tài sản (Triệu \$)	Lưu chuyển dòng vốn (Triệu USD)		
		1Thg	3Thg	TĐN
Tổng các quỹ ETF	3.253	▼ -50,9	▼ -209,9	▼ -355,4
ETFs ngoại	2.283	▼ -3,3	▼ -103,7	▼ -224,3
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	207	14,7	17,7	-12,8
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	314	7,2	-24,8	-33,6
Asian Growth CUBS ETF	10	0,0	0,0	0,0
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	426	0,0	-25,1	-115,3
Premia MSCI Vietnam ETF	10	0,0	-4,1	-4,8
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	5	0,0	0,0	0,0
VanEck Vectors Vietnam ETF	519	0,0	0,0	-0,6
Fubon FTSE Vietnam ETF	792	-25,2	-67,4	-57,2
ETFs nội	970	▼ -47,6	▼ -106,2	▼ -131,1
DCVFMVN Diamond ETF	559	0,0	0,0	0,0
SSIAM VNX50 ETF	5	0,0	-1,1	-2,1
SSIAM VN30 ETF	6	0,0	-0,6	-0,6
VinaCapital VN100 ETF	4	0,0	0,0	0,0
KIM GROWTH VN30 ETF	13	0,0	0,0	0,0
KIM GROWTH VNFINSELECT ETF	13	0,0	0,0	0,0
DCVFM VNMIDCAP ETF	11	0,0	0,0	1,9
MAFN VN30 ETF	24	-0,2	-0,2	-0,7
DCVFMVN30 ETF Fund	278	-21,1	-46,5	-59,6
SSIAM VNFIN LEAD ETF	55	-26,3	-57,8	-69,9

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rổng Việt

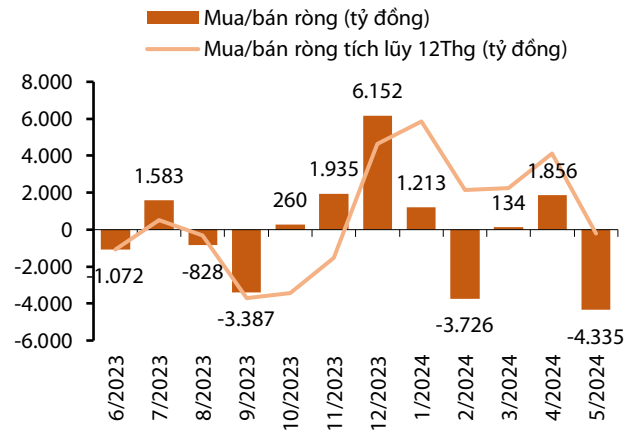
Nhóm nhà đầu tư tổ chức quay lại đồng thuận với khối ngoại bán ròng mạnh 4.335 tỷ đồng. Các cổ phiếu được nhà đầu tư tổ chức trong nước mua bán ròng đáng kể nhất được tổng hợp lại trên Hình 14.

Hình 14: Các cổ phiếu được nhà đầu tư tổ chức trong nước mua/bán nhiều nhất trên HOSE trong Tháng 5/2024 (tỷ đồng)



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rồng Việt

Hình 15: Hoạt động giao dịch của các nhà đầu tư tổ chức trong nước trên sàn HSX



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rồng Việt

TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG SÁU: VỮNG VÀNG TRONG CHẶNG ĐƯỜNG CUỐI

Khi những cơn gió ngược qua đi, thị trường chứng khoán đã lấy lại điểm số một cách mạnh mẽ trong tháng Năm. Kết quả kinh doanh quý 1 vượt ngoài mong đợi là nền tảng cho sự phục hồi của thị trường. Bên cạnh đó, dữ liệu lạm phát tại Mỹ trở lại quỹ đạo hạ nhiệt đã củng cố niềm tin cho thị trường toàn cầu cũng như trong nước về triển vọng cắt giảm lãi suất của FED.

Bước sang tháng Sáu, khi mùa KQKD quý 2 vẫn chưa sôi động, những yếu tố vĩ mô trong và ngoài nước vẫn là những nhân tố xúc tác chính trên thị trường chứng khoán. Ở khía cạnh này, chúng tôi đang thấy rằng (1) Dữ liệu vĩ mô Việt Nam mới đây ghi nhận sự tích cực về sản xuất và tiêu dùng, củng cố cho triển vọng tăng trưởng GDP quý 2 khả quan, (2) Về thị trường tiền tệ, mặc dù áp lực tỷ giá liên tục mạnh trong thời gian gần đây và NHNN đã có những hành động quyết liệt để giảm áp lực cho tỷ giá, chúng tôi kỳ vọng lãi suất điều hành và lãi suất trong nền kinh tế sẽ chưa có biến động bất thường, (3) Tâm điểm thị trường sẽ hướng về các cuộc họp “quyết định lãi suất” của các NHTW lớn bao gồm BoC, ECB, BoJ, FED, và BoE. Chúng tôi kỳ vọng BoC, ECB, và BoE sẽ lần lượt thực hiện đợt cắt giảm lãi suất đầu tiên sau 2 năm, trong khi đó FED vẫn giữ nguyên lãi suất hiện tại nhưng thông điệp đưa ra sẽ “Bỏ Cầu” hơn dựa trên những dữ liệu về tăng trưởng, lạm phát và việc làm mới đây, và cuối cùng (4) Chính phủ đã trình Ủy ban thường vụ Quốc Hội hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung các Luật: Đất đai, Nhà ở, Kinh doanh bất động sản, và Luật các tổ chức tín dụng có hiệu lực sớm hơn kế hoạch ban đầu. Nếu được thông qua trong tháng Sáu, sự tích cực từ nhóm cổ phiếu bất động sản (chiếm 14% vốn hóa rổ VNIndex) có thể tác động tích cực đến thị trường.

Về điểm số, chúng tôi kỳ vọng VN Index sẽ giao dịch trong biên độ **1.250-1.320** trong tháng Sáu. Trong kịch bản cơ sở, kỳ vọng diễn biến vĩ mô tích cực có thể giúp chỉ số duy trì động lượng vượt đỉnh cũ ngắn hạn mới đây. Ở chiều ngược lại, áp lực tỷ giá mạnh hơn có thể khiến NHNN khó giữ được định hướng mặt bằng lãi suất hiện tại và gián tiếp tác động tiêu cực lên kỳ vọng của nhà đầu tư cũng như điểm số của thị trường.

Cuộc họp chính sách của các ngân hàng trung ương trên thế giới – Khả năng USD sẽ gây áp lực lên đồng tiền khác trong ngắn hạn

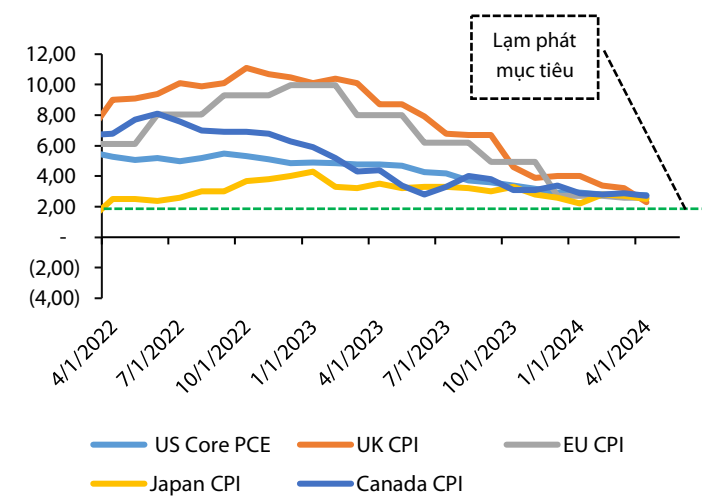
Tâm điểm thị trường vốn sẽ hướng về các cuộc họp “quyết định lãi suất” của các NHTW lớn bao gồm BoC, ECB, BoJ, FED, và BoE trong tháng 6. Chúng tôi kỳ vọng BoC, ECB, và BoE sẽ thực hiện lần cắt giảm lãi suất điều hành đầu tiên sau 2 năm. Trong khi đó FED vẫn giữ nguyên lãi suất hiện tại. Điều này hàm ý khả năng USD gây áp lực lên nhiều đồng tiền khác trong ngắn hạn do sự chênh lệch lãi suất.

Bảng 5: Tổng hợp lịch họp của các NHTW lớn trong tháng 6 và kịch bản quyết định lãi suất

Ngày	Họp chính sách tiền tệ	Kịch bản lãi suất
5/6	Ngân hàng TW Canada - BOC	Cắt giảm 25 BPS
6/6	Ngân hàng TW Châu Âu -ECB	Cắt giảm 25 BPS
13/6	Ngân hàng TW Hoa Kỳ - FED	Giữ nguyên
14/6	Ngân hàng TW Nhật Bản - BOJ	Giữ nguyên
20/6	Ngân hàng TW Anh -BOE	Cắt giảm 25 BPS

Nguồn: CTCK Rồng Việt tổng hợp

Hình 16: Diễn biến lạm phát các nước

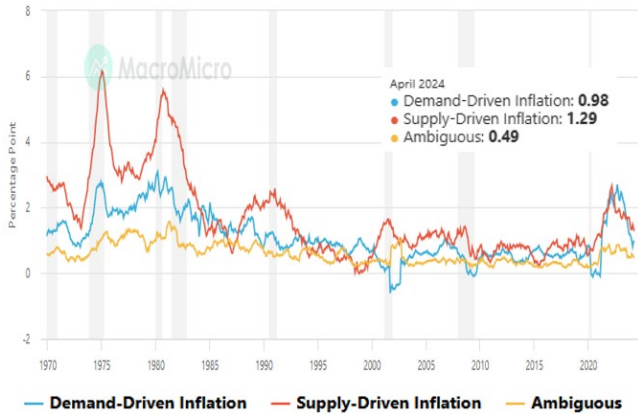


Nguồn: Bloomberg

Trong kịch bản đó, chúng tôi cho rằng áp lực lên tỷ giá tiền Đồng sẽ gia tăng trở lại, đặc biệt vào những thời điểm trước ngày họp quyết định lãi suất. Tuy nhiên, đồng USD khó giữ áp lực này được

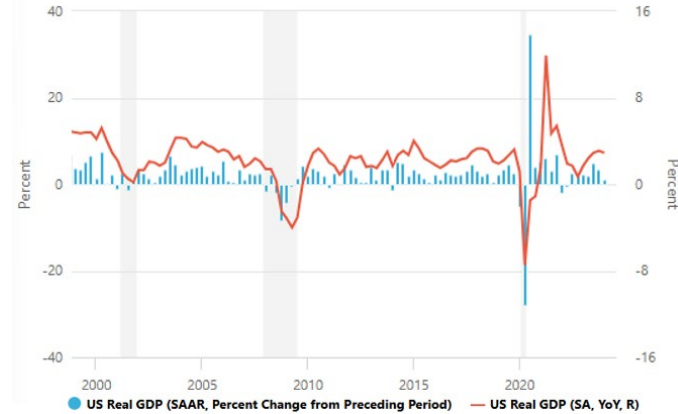
lâu vì dư địa cắt lãi suất của Mỹ là rất lớn. Cơ sở cho nhận định này đến từ (1) lạm phát hạ nhiệt trở lại trong báo cáo mới đây và dự kiến sẽ đẩy nhanh hơn do hiệu ứng “lạm phát đuổi kịp” như chúng tôi đã trình bày trong báo cáo chiến lược tháng trước, (2) lạm phát do yếu tố cầu kéo đang về lại ngưỡng trung bình trong giai đoạn trước đây (hình 17) cho thấy tác động của chính sách tiền tệ thắt chặt nhằm kìm hãm lạm phát là có hiệu quả và đang đạt ngưỡng giới hạn, (3) nền kinh tế Mỹ đang giảm tốc mạnh khi tăng trưởng GDP có điều chỉnh theo yếu tố mùa vụ (SAAR) giảm từ 3,4% (quý 4, 2023) về mức 1,3% trong quý 1/2024 (hình 18). Chúng tôi không loại trừ khả năng FED thay đổi lập trường sớm hơn kì vọng của thị trường hiện tại để tránh bỏ lại phía sau “đường cong” và qua đó giúp nền kinh tế hạ cánh mềm.

Hình 17: Đóng góp vào PCE lõi theo yếu tố cầu kéo và chi phí đẩy



Nguồn: MacroMicro

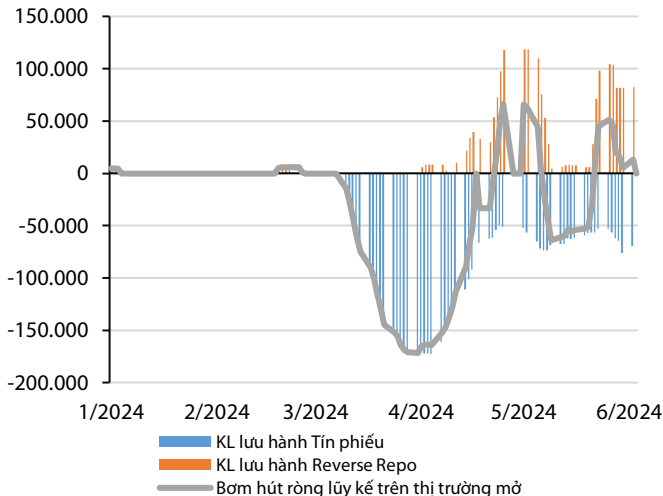
Hình 18: Tăng trưởng GDP thực theo quý của Mỹ đến 1Q2024



Nguồn: MacroMicro

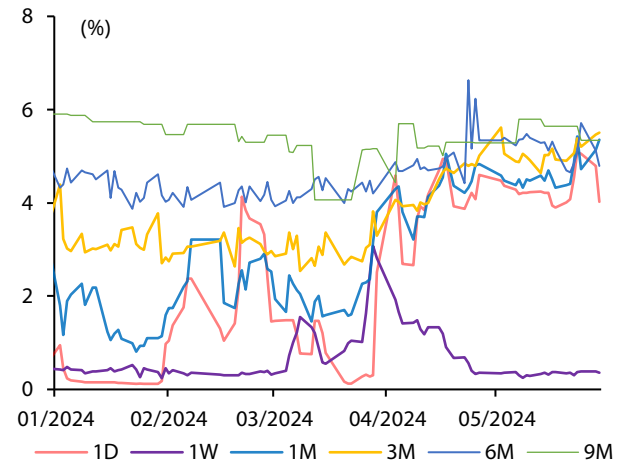
Trong đoạn cuối con đường ứng phó với chu kỳ thắt chặt tiền tệ của các NHTW lớn, chúng tôi cho rằng NHNN vẫn còn dư địa để neo giữ bằng lãi suất trong biên độ hợp lý thông qua các nghiệp vụ thị trường mở như phát hành tín phiếu, cầm cố giấy tờ có giá, và bán USD giao ngay với mục đích duy trì một lượng thanh khoản hợp lý thay vì trạng thái dư thừa như trước đây, đồng thời thu hẹp chênh lệch lãi suất USD và VND giúp cho áp lực rút ròng USD dịu dần trước khi FED thực hiện đợt cắt giảm lãi suất lần đầu tiên.

Hình 19: Hoạt động bơm hút ròng của SBV trên thị trường mở từ đầu năm (tỷ đồng)



Nguồn: MacroMicro

Hình 20: Biến động lãi suất liên ngân hàng theo các kỳ hạn kể từ đầu năm



Nguồn: MacroMicro

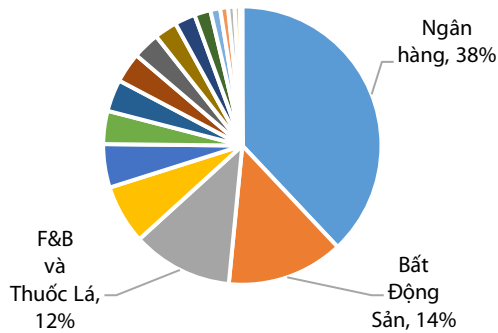
Kỳ họp Quốc Hội thứ 7 khóa XV – Đưa các dự luật liên quan đến lĩnh vực bất động sản có hiệu lực sớm hơn kế hoạch được chấp thuận

Chính phủ đã trình Ủy ban thường vụ Quốc Hội hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung các Luật: Đất đai, Nhà ở, Kinh doanh bất động sản, và Luật các tổ chức tín dụng có hiệu lực sớm hơn, bắt đầu từ ngày 1 tháng 8 năm 2024, nhằm kịp thời xem xét, và bổ sung vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh 2024 của Quốc Hội tại kỳ họp thứ 7, khóa XV.

Nếu được thông qua trong tháng Sáu này, những điểm nghẽn lớn của lĩnh vực bất động sản sẽ sớm được giải quyết, đồng thời triển vọng khơi thông dòng vốn tín dụng và khả năng kinh doanh của các dự án có thể dự đoán được. Trong đó, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Nhà ở đã sửa đổi căn bản chính sách phát triển nhà ở xã hội, từ mở rộng đối tượng, thủ tục trình tự thực hiện đến các quy định về chủ đầu tư phát triển nhà xã hội,... Còn Luật Đất đai tập trung tháo gỡ các vướng mắc liên quan đến xác định tiền sử dụng đất, những vấn đề về giao đất, cho thuê đất, quy định về bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư.

Với trọng số vốn hóa lớn và đứng thứ 2 trong rổ VN Index (~14%), việc giao dịch tích cực của nhóm bất động sản nhờ yếu tố hỗ trợ kể trên có thể góp phần nâng đỡ thị trường trong tháng tới.

Hình 21: Tỷ trọng vốn hóa các nhóm ngành – Tỷ trọng vốn hóa nhóm BĐS đứng thứ 2 trong rổ VN Index



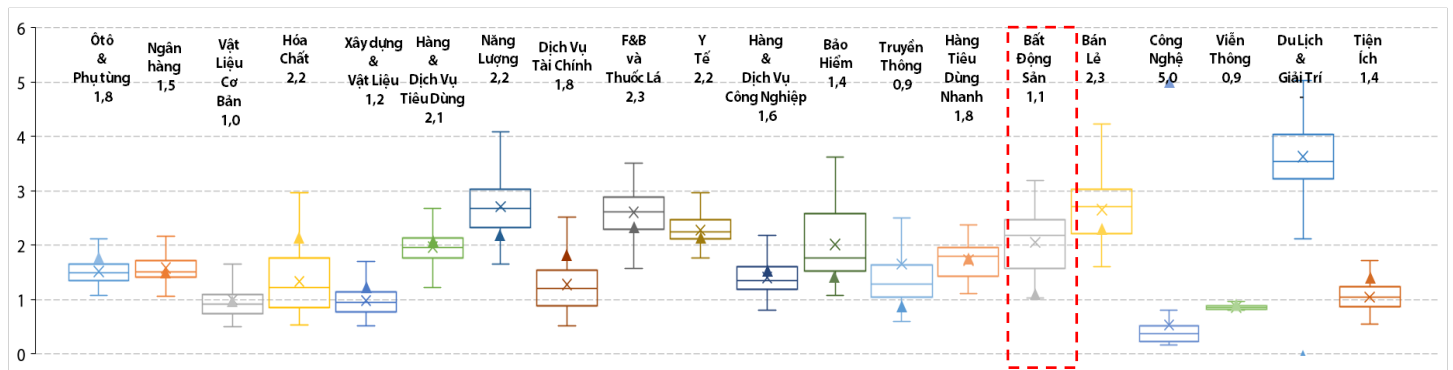
Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Hình 22: Lịch sử định giá P/B của nhóm BĐS trong rổ VN Index (2016- hiện tại) – Về vùng đáy lịch sử



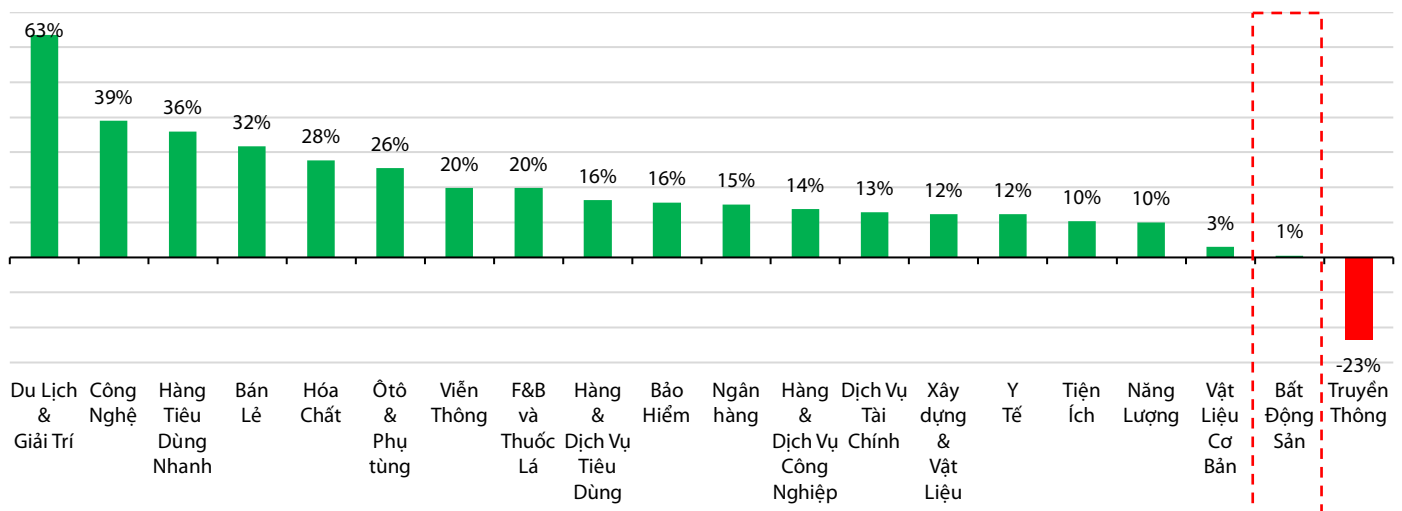
Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Hình 23: Lịch sử định giá P/B của các nhóm ngành trong rổ VN Index (2018 – Hiện tại) – Định giá tương đối hấp dẫn so với các nhóm ngành còn lại



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt tổng hợp

Hình 24: Hiệu suất sinh lời của các nhóm ngành kể từ đầu năm - Nhóm bất động sản có hiệu suất kém so với phần còn lại



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt tổng hợp

Ưu tiên nắm giữ

Thị trường chứng khoán tháng Năm dao động trong vùng biên độ (1.250 – 1.285), hẹp hơn kỳ vọng của chúng tôi (1.165 – 1.280) khi mà các chiều thông tin tác động chủ yếu mang màu sắc trung tính: (1) Thị trường tiền tệ mặc dù trong trạng thái không mấy dư giả nhưng vẫn trong khả năng ổn định của NHNN, (2) Chưa có thông tin mới ngoài kỳ vọng từ thị trường thế giới, và (3) Các doanh nghiệp niêm yết vẫn duy trì tăng trưởng lợi nhuận khả quan trong quý 1/2024.

Với kỳ vọng triển vọng tăng trưởng kinh tế quý 2 khả quan sẽ lấn át bối cảnh không mấy thuận lợi của thị trường tiền tệ, chúng tôi cho rằng NĐT vẫn có thể tích lũy cổ phiếu của các doanh nghiệp mà lợi nhuận có thể phục hồi dần theo quý, hoặc tăng trưởng theo năm trong các nhịp giằng co của thị trường trong tháng Sáu. NĐT đã mua vào cổ phiếu theo danh mục ưa thích của chúng tôi kiên nhẫn nắm giữ để có thể đạt mức sinh lời tốt hơn việc lướt sóng ngắn hạn.

Thép là một trong những ngành chúng tôi cho rằng sản lượng tiêu thụ sẽ duy trì ở mức cao trong các quý còn lại của năm 2024. Mặc dù biên lợi nhuận Q2/2024 của ngành có thể chưa cải thiện so với quý đầu năm, chúng tôi kỳ vọng xu hướng biên lợi nhuận sẽ khả quan dần trong nửa cuối năm khi giá bán phục hồi. HPG là cổ phiếu đầu ngành thép ưa thích của chúng tôi, trong khi GDA (chưa định giá) là tên tuổi trong ngành tôn mạ đáng quan tâm. Xét về câu chuyện phục hồi lợi nhuận quý so với cùng kỳ, NĐT có thể giao dịch ngắn hạn với cổ phiếu HSG theo các nhịp biến động của thị trường.

HPG – GMT: 33.900 đồng. Trong tháng 4, sản lượng bán hàng thép xây dựng của HPG đạt 471 nghìn tấn (+120% YoY, +16% MoM), và được kỳ vọng có thể duy trì mức tiêu thụ này trong các tháng còn lại của quý 2 khi (1) Các dự án BĐS dân dụng và các dự án đầu tư công tăng hoạt động xây dựng và (2) Hoạt động tích trữ hàng tồn kho trước mùa mưa bão. Qua đó, chúng tôi ước tính lợi nhuận của HPG trong quý 2/24 có thể đạt 3.100 tỷ đồng (+8%QoQ, do quý trước doanh nghiệp ghi nhận 373,5 tỷ đồng LN khác từ thành lý tài sản).

GDA – Khả quan. GDA là doanh nghiệp tôn mạ có thị phần lớn thứ 2 trên cả nước (chiếm 18% thị phần tôn mạ nội địa trong năm 2023), và sản lượng xuất khẩu chiếm 60% tổng sản lượng tiêu thụ của doanh nghiệp với các thị trường trọng điểm bao gồm EU và Bắc Mỹ. Trong bốn tháng đầu 2024, sản lượng xuất khẩu đạt 186 nghìn tấn (+31%YoY) và sản lượng nội địa đạt 100 nghìn tấn (tương đương cùng kỳ, trong đó sản lượng tháng 4 đã tăng 75% so với sản lượng trung bình hàng tháng trong quý 1). Với kỳ vọng sản lượng bán hàng quý 2 đạt 228 nghìn tấn (+12%QoQ), LNST của GDA tương ứng trong quý ước đạt 108 tỷ đồng (+13%QoQ, -12%YoY). Lũy kế cả năm 2024, ước tính LNST có thể đạt 360 tỷ (+27% YoY). Tại mức P/B 0,8 lần và ROE 2024F là 9,8%, chúng tôi cho rằng cổ phiếu GDA đang được giao dịch ở mức định giá tương đối thấp so với các công ty tôn cùng ngành.

Bảng 6: So sánh một số chỉ tiêu tài chính của các doanh nghiệp thép niêm yết

Mã	Vốn hoá (Tỷ VND)	ROA	ROE	P/E (x)	P/B (x)	Nợ ngắn hạn/VCSH	Nợ dài hạn/VCSH	Beta 6T
HPG	187.410	5,0%	9,2%	20,1	1,8	0,58	0,15	1,1
HSG	14.260	4,7%	8,1%	16,3	1,3	0,55	0,00	1,2
NKG	6.714	2,6%	5,9%	20,9	1,2	0,98	0,00	0,9
TVN	4.769	-1,9%	-5,7%	-10,3	0,6	0,74	0,19	1,1
GDA	3.160	2,7%	8,1%	10,6	0,9	1,75	0,03	1,4
SHI	2.428	0,1%	0,2%	567,3	1,4	1,92	0,27	0,7
VGS	1.976	2,5%	6,0%	33,8	2,0	0,70	0,20	1,1
SMC	1.031	-11,1%	-66,6%	-1,4	1,0	2,49	0,30	0,6
POM	947	-9,2%	-56,4%	-1,0	0,8	4,61	0,72	
TLH	910	0,0%	-0,1%	-624,8	0,5	0,89	0,00	1,1

Nguồn: FiinPro, CTCK Rông Việt

IMP – GMT: 80.600 đồng. Từ đầu năm 2024, Luật đấu thầu quy định về việc sử dụng thuốc nội địa khi có ba nhà sản xuất trong nước đáp ứng được các tiêu chí kỹ thuật bắt đầu có hiệu lực. Theo đó, trong 93 sản phẩm được Bộ Y tế đưa vào danh mục thuốc đấu thầu thì IMP sở hữu 12/93 thuốc thuộc phân khúc nhóm 1 và 2. Điều này giúp Công ty tham gia đấu thầu rộng rãi hơn trên kênh ETC. Lũy kế 4T2024, giá trị trúng thầu của IMP đạt 573 tỷ đồng (+50% YoY) đến từ (1) IMP2 với giá trị 75 tỷ (+60% YoY), (2) IMP3 với 310 tỷ (+23% YoY) và (3) IMP4 với 70 tỷ (+8% YoY). Chúng tôi kỳ vọng kênh ETC sẽ là động lực tăng trưởng doanh thu năm 2024 của IMP.

Cho Q2/2024, chúng tôi ước tính doanh thu và LNST của IMP lần lượt đạt 500 tỷ đồng (+14% YoY) và 70 tỷ đồng (-12% YoY, +13% QoQ). Chúng tôi muốn lưu ý rằng nhà máy IMP4 được đưa vào sản xuất từ nửa cuối năm 2023 nên KQKD nửa đầu năm 2024 sụt giảm so với cùng kỳ chủ yếu do phản ánh các chi phí của nhà máy này (6T2023: chưa phát sinh). Điểm tích cực là KQKD Q2 đã cải thiện so với quý đầu năm, phản ánh hiệu suất hoạt động tăng lên tại IMP4. Cho cả năm 2024, chúng tôi kỳ vọng kênh ETC sẽ là động lực tăng trưởng doanh thu cho toàn Công ty, khi mức doanh thu từ kênh này ước đạt 1.185 tỷ (+48% YoY) trong năm 2024. Theo đó, cho cả năm 2024, chúng tôi dự phóng doanh thu và lợi nhuận của IMP lần lượt đạt 2.316 tỷ đồng (+16% YoY) và 352 tỷ đồng (+18% YoY).

Theo dòng câu chuyện KQKD quý 2 khả quan, chúng tôi cho rằng cổ phiếu thuộc các nhóm ngành hàng tiêu dùng, bán lẻ, hàng không, ngân hàng cũng là những cổ phiếu mà NĐT có thể cân nhắc giải ngân trong các nhịp điều chỉnh của thị trường.

Mã	GMT	P/E trailing	P/E fwd 2024	P/B	Nhận định
SCS	95.600	17,5	14,7	6,1	Ước tính doanh thu và LNTT quý 2 lần lượt tăng trưởng 42% và 30% YoY lên xấp xỉ 245 tỷ và 192 tỷ đồng khi mà (1) Sản lượng vận chuyển duy trì mức tăng trưởng cao khi bắt đầu có khách hàng mới (Qatar) từ cuối Q1/2024, (2) Thu nhập tài chính ròng giảm so với cùng kỳ, và (3) Chi phí khai thác tăng.
HAX	16.000	31,3	13,7	1,5	Ước tính doanh thu Q2 đạt 1.224 tỷ (+53,5% YoY) với (1) Doanh thu MG tăng 200% YoY và (2) Doanh thu từ Mercedes tăng 10% YoY từ mức nền thấp cùng kỳ và phù hợp mức tăng trưởng chung của ngành. LNTT theo đó ước tính đạt 44 tỷ đồng (Q2 2023: 5 tỷ).
CTG	39.100	8,7	7,9	1,4	Ước tính LNTT Q2 đạt 7.600 tỷ đồng (+16,5% YoY) với động lực đến từ (1) Thu nhập lãi tăng trưởng 24% YoY giúp tổng thu nhập hoạt động tăng 13,5% YoY, (2) Kiểm soát CIR với chi phí hoạt động tăng 12% YoY, và chi phí DPRR tín dụng tăng 11,5% YoY.
ACB	27.400	6,9	5,4	1,5	Ước tính LNTT Q2 đạt 5.500 tỷ đồng (+14% YoY) với động lực đến từ (1) Thu nhập lãi tăng trưởng 20% YoY giúp tổng thu nhập hoạt động tăng 11% YoY, (2) Tiếp tục kiểm soát tốt CIR với chi phí hoạt động tăng 8% YoY, và chi phí DPRR tín dụng đi ngang so với cùng kỳ.

Nguồn: CTCK Rồng Việt

Bảng 7: Danh mục cổ phiếu khuyến nghị

Mã	VHTT (tỷ đồng)	GTKL BQ 3T (tr. đ)	P/E hiện tại (x)	P/B hiện tại (x)	ROE trượt 4Q (%)	Thị giá ngày 4/6	GMT	Cổ tức tiền	Tháng Sáu (k. đồng)	
									Vùng mua cân nhắc	Vùng bán cân nhắc
ACB	109.433	285.219	6,9	1,5	23,0%	24.500	27.400		21,5-23	25,5-28
BID	271.341	84.181	12,4	2,2	18,8%	47.600	50.600		43,5-46,5	50-54
CTG	176.136	323.660	8,7	1,4	16,3%	32.800	39.100		30-31,5	34-36
FMC	3.361	3.938	11,9	1,6	14,3%	51.400	52.300		47-49	53-56
GDA	3.160	2.355	10,6	0,9	8,1%	27.555	N.a		26-27	29,5-30,5
GMD	26.236	147.432	10,0	2,9	29,6%	84.500	91.300		74-78	86-90
HAX	1.698	14.455	31,3	1,5	4,8%	15.800	16.000		14,7-15,3	17,5-18,5
HPG	187.410	740.114	20,1	1,8	9,2%	29.300	33.900		27,5-28,5	30,5-32
HSG	14.260	245.768	16,3	1,3	8,1%	23.150	24.300		21-22	24-26
IMP	4.823	1.916	17,0	2,3	13,9%	68.900	80.600		64-67	72-74
KBC	24.487	292.600	25,0	1,4	5,4%	31.900	41.000	1.900	29-30,5	33,5-36
KDH	29.974	134.543	51,3	2,2	4,4%	37.500	40.300		35-37,2	40-44
MBB	118.959	499.807	5,8	1,2	22,4%	22.500	28.200		20,5-21,6	23,5-25
MSN	110.890	443.329	361,6	4,2	1,2%	77.500	85.600		70-73	80-84
NTC	5.311	3.068	18,6	5,2	30,1%	221.285	346.000		207-214	230-240
PC1	9.081	149.857	44,9	1,7	3,9%	29.200	31.400		27-28	31-32
POW	32.786	111.496	40,1	1,1	2,6%	14.000	14.400		12,3-13	14,7-15,1
PVD	17.927	205.772	26,9	1,2	4,6%	32.250	34.000		29-30,5	34-36
QNS	17.756	39.302	7,4	2,0	29,1%	49.746	55.800		47-48,5	52,5-54
REE	29.375	73.376	15,3	1,7	11,3%	62.500	64.500	1.000	58,6-60	64,5-67,5
SCS	8.711	13.740	17,5	6,1	38,4%	91.800	95.600	5.000	82-86,8	95-105
SIP	16.345	27.769	15,8	4,3	29,4%	89.900	131.000		88-92	102-110
VCB	495.752	133.887	15,2	2,9	20,0%	88.700	104.000		82-84,5	92-96
VIB	56.824	143.842	6,8	1,5	23,0%	22.400	26.130	600	20,5-21,5	23,5-25
VNM	137.937	269.411	15,0	4,3	28,9%	66.000	81.500	3.850	65-67,5	71-74

Nguồn: CTCK Rồng Việt

DANH SÁCH CỔ PHIẾU QUAN TÂM

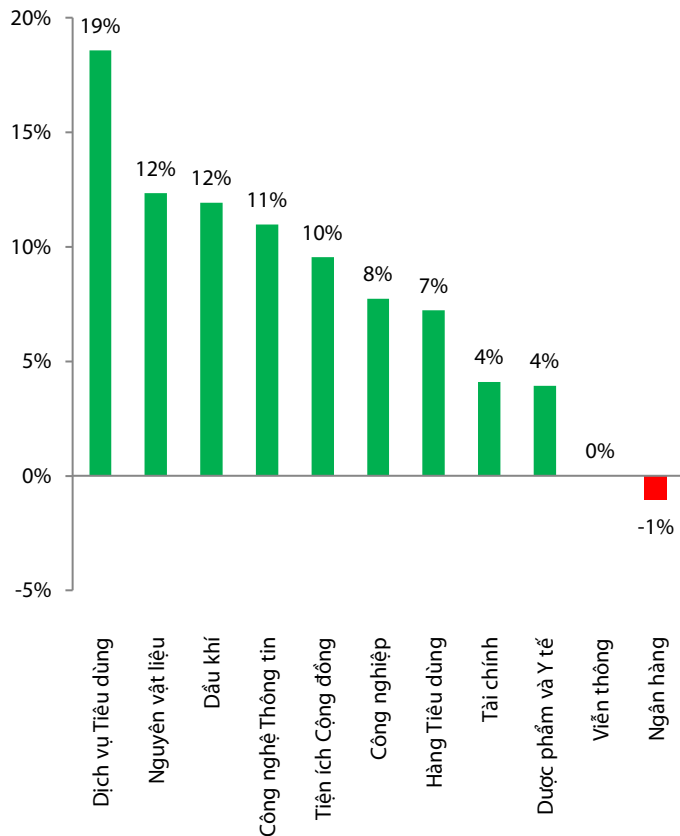
Mã	Sàn	VHTT (triệu USD)	Giá mục tiêu (đồng)	Giá @3/6/2024 (đồng)	Lợi nhuận kỳ vọng (%)	Khuyến nghị	2023		2024F		PE TTM (x)	PE 2024F (x)	PB hiện tại (x)	Tỷ suất cổ tức (%)	+/- Giá 1 năm (%)	GTGDĐQ 3 tháng (nghìn USD)	Sở hữu Nước ngoài còn lại (%)
							+/- DT (%)	+/- LNST (%)	+/- DT (%)	+/- LNST (%)							
LHG	HOSE	73	66.000	35.800	96%	Mua	-20,9	-29,7	42,4	26,2	12,0	8,5	1,1	11,2	30,7	362,0	30,1
NTC	UPCOM	213	346.000	217.176	61%	Mua	-3,3	-21,2	221,6	78,7	18,3	9,7	5,1	1,8	29,0	122,1	46,1
SIP	HOSE	664	131.000	89.500	53%	Mua	-12,3	16,9	4,0	21,7	15,7	14,4	4,3	6,7	68,0	1.143,7	47,8
KBC	HOSE	1.012	41.000	32.300	33%	Mua	-37,2	-18,4	12,0	-15,5	25,4	14,4	1,4	5,9	12,7	12.927,2	28,0
DPR	HOSE	152	52.800	42.750	31%	Mua	-15,9	-16,9	7,3	24,4	18,2	14,4	1,6	7,0	57,6	1.560,8	45,5
VNM	HOSE	5.639	81.500	66.100	29%	Mua	0,7	4,2	4,5	6,6	15,0	16,2	4,3	5,8	5,8	11.507,3	49,4
VPB	HOSE	5.926	22.400	18.300	28%	Mua	-13,9	-44,7	18,7	57,6	12,0	9,2	1,1	5,5	1,9	15.984,9	2,8
TCB	HOSE	6.779	57.800	47.150	26%	Mua	-2,1	-10,7	7,8	15,2	8,4	7,5	1,2	3,2	51,0	23.070,6	0,2
MBB	HOSE	4.877	28.200	22.600	25%	Mua	3,8	18,3	23,1	14,4	5,9	4,7	1,2	0,0	38,2	23.969,0	0,2
CTG	HOSE	7.145	39.100	32.600	20%	Tích lũy	10,2	19,2	18,4	29,8	8,7	7,8	1,4	0,0	27,2	13.800,5	3,7
VIB	UPCOM	2.309	26.130	22.300	20%	Tích lũy	22,7	1,1	7,0	19,7	6,7	6,5	1,5	2,7	23,0	9.797,6	0,0
QNS	UPCOM	730	55.800	50.104	19%	Tích lũy	21,4	70,2	11,7	0,2	7,4	7,0	2,0	8,0	21,4	1.676,7	33,8
IMP	HOSE	197	80.600	68.900	18%	Tích lũy	8,6	-1,1	16,1	17,5	17,0	15,6	2,3	1,5	31,3	78,9	25,4
DBD	HOSE	160	62.000	52.500	18%	Tích lũy	6,2	10,6	8,2	7,7	14,7	13,6	2,6	0,0	14,6	308,1	86,5
VCB	HOSE	20.121	104.000	88.200	18%	Tích lũy	-0,5	10,5	9,9	12,4	15,1	14,7	2,8	0,0	9,8	5.860,8	6,6
HPG	HOSE	7.571	33.900	29.000	17%	Tích lũy	-15,9	-19,4	22,5	76,3	19,9	16,4	1,8	0,0	47,7	30.816,6	23,9
PHR	HOSE	349	71.800	63.100	15%	Tích lũy	10,6	-2,1	17,5	9,8	18,3	12,5	2,3	1,6	40,0	1.633,8	30,7
HND	UPCOM	312	15.500	15.300	11%	Tích lũy	8,9	-23,6	-0,6	32,8	13,6	13,8	1,3	10,1	15,9	10,0	49,0
GMD	HOSE	1.056	91.300	83.300	11%	Tích lũy	-1,3	123,5	8,0	-30,7	9,9	18,0	2,8	1,4	67,1	6.360,2	1,5
HSG	HOSE	562	24.300	22.350	11%	Tích lũy	-19,4	-176,2	23,1	3.913,0	15,7	16,0	1,2	2,2	52,4	9.849,9	29,7
ACB	HOSE	4.521	27.400	24.800	10%	Tích lũy	13,7	17,2	8,1	11,5	7,0	5,4	1,5	0,0	35,4	20.385,3	0,0
MSN	HOSE	4.538	85.600	77.700	10%	Tích lũy	2,7	-88,3	4,2	320,6	362,5	62,8	4,2	0,0	7,5	22.731,4	20,4
SCS	HOSE	356	95.600	92.000	9%	Tích lũy	-17,2	-22,9	38,2	32,3	17,6	14,7	6,1	5,4	50,7	620,7	23,2
PPC	HOSE	215	15.500	16.450	7%	Tích lũy	10,2	-12,8	22,8	11,3	9,5	12,4	1,2	13,1	28,5	288,3	37,2
POW	HOSE	1.286	14.400	13.450	7%	Tích lũy	-1,0	-47,8	11,8	45,1	38,5	20,7	1,0	0,0	-1,5	4.390,9	44,9
PC1	HOSE	373	31.400	29.350	7%	Tích lũy	-6,6	-70,3	31,3	212,7	45,1	48,8	1,7	0,0	13,6	6.187,5	42,5
BID	HOSE	11.005	50.600	47.300	7%	Tích lũy	4,9	18,7	13,8	19,6	12,3	12,4	2,2	0,0	19,2	3.698,2	12,9
FMC	HOSE	136	52.300	51.000	6%	Tích lũy	-10,8	-10,7	16,3	15,1	11,8	10,5	1,6	3,9	26,8	169,0	18,3
PNJ	HOSE	1.278	97.500	93.600	6%	Tích lũy	-2,2	8,9	6,8	13,9	15,7	14,8	3,0	2,1	31,4	7.896,9	0,1

Mã	Sàn	VHTT (triệu USD)	Giá mục tiêu (đồng)	Giá @3/6/2024 (đồng)	Lợi nhuận kỳ vọng (%)	Khuyến nghị	2023		2024F		PE TTM (x)	PE 2024F (x)	PB hiện tại (x)	Tỷ suất cổ tức (%)	+/- Giá 1 năm (%)	GTGDĐQ 3 tháng (nghìn USD)	Sở hữu Nước ngoài còn lại (%)
							+/- DT (%)	+/- LNST (%)	+/- DT (%)	+/- LNST (%)							
KDH	HOSE	1.240	40.300	38.000	6%	Tích lũy	-28,1	-35,0	124,7	36,8	52,0	33,4	2,3	0,0	42,2	5.703,7	9,4
VSC	HOSE	237	23.000	21.800	6%	Tích lũy	8,6	-59,9	10,3	22,9	23,0	37,5	2,0	0,0	21,4	5.584,0	46,2
PVD	HOSE	733	34.000	32.300	5%	Tích lũy	7,0	-662,8	25,7	89,5	26,9	16,4	1,2	0,0	32,9	8.465,6	31,8
REE	HOSE	1.209	64.500	63.000	4%	Trung lập	-8,6	-18,7	10,6	15,1	15,4	9,3	1,7	1,6	19,9	3.382,5	0,0
VHC	HOSE	683	76.900	74.600	3%	Trung lập	-24,1	-54,6	20,4	27,7	19,6	14,6	2,1	0,0	58,3	3.245,6	69,4
FRT	HOSE	949	174.500	170.600	2%	Trung lập	5,6	-188,5	30,4	N/A	-77,0	124,5	14,2	0,0	199,6	5.590,9	13,6
HAX	HOSE	69	16.000	15.700	2%	Trung lập	-41,2	-85,6	40,9	258,5	31,1	13,6	1,5	0,0	24,6	620,8	31,9
HAH	HOSE	184	43.500	42.800	2%	Trung lập	-18,5	-53,2	20,4	-23,6	13,9	15,3	1,7	0,0	60,3	5.616,6	45,2
HDB	HOSE	2.853	24.300	24.000	1%	Trung lập	20,2	30,0	31,0	46,5	6,3	4,8	1,5	0,0	44,9	9.857,7	3,5
NT2	HOSE	277	22.100	23.600	0%	Trung lập	-27,4	-43,9	-20,9	N/A	66,3	-80,3	1,7	6,4	-22,3	991,3	36,2
TNG	HNX	122	25.500	26.400	0%	Trung lập	4,8	-5,0	10,8	7,4	13,3	10,4	1,7	3,0	49,1	2.630,9	29,4
OCB	HOSE	1.283	15.200	15.300	-1%	Trung lập	11,6	19,1	18,8	17,9	7,2	6,6	1,1	0,0	24,4	1.592,2	0,1
NKG	HOSE	267	24.600	24.850	-1%	Trung lập	-19,4	-194,2	8,9	215,1	20,3	18,2	1,2	0,0	56,8	8.574,7	35,5
IDC	UPCOM	842	59.100	62.500	-2%	Trung lập	-3,3	-21,2	39,0	81,2	10,6	8,2	4,0	3,2	66,4	5.940,4	25,8
FPT	HOSE	7.096	129.100	136.900	-4%	Trung lập	19,6	21,9	19,9	20,4	25,7	25,8	6,5	1,5	92,3	22.241,5	0,3
STK	HOSE	118	29.000	30.350	-4%	Trung lập	-32,6	-64,0	38,9	76,3	33,1	18,5	1,8	0,0	22,7	141,2	82,5
GEG	HOSE	196	13.300	14.050	-5%	Giảm	3,4	-56,5	7,3	30,3	35,0	32,8	1,3	0,0	-12,1	443,7	4,1
PVS	HNX	854	40.400	43.800	-6%	Giảm	18,2	-2,0	53,8	57,8	22,0	17,0	1,6	1,6	44,0	13.149,7	28,3
HDG	HOSE	421	30.900	33.750	-7%	Giảm	-19,5	-35,1	-2,3	10,5	16,4	13,6	1,7	1,5	15,7	5.045,1	32,5
MWG	HOSE	3.820	58.500	64.000	-8%	Giảm	-11,3	-95,9	5,6	662,8	89,3	54,2	3,7	0,8	58,4	28.617,3	0,5
DPM	HOSE	615	33.300	38.500	-8%	Giảm	-27,2	-90,4	1,1	26,9	28,1	22,5	1,3	5,2	29,1	4.568,8	40,5
DRC	HOSE	169	30.300	34.800	-9%	Giảm	-8,2	-20,2	19,0	19,9	15,2	14,9	2,2	4,3	69,3	2.274,6	36,4
NLG	HOSE	707	40.000	45.000	-10%	Giảm	-26,7	-13,0	142,5	15,6	43,2	31,9	1,9	1,1	40,3	6.878,1	0,4
MSH	HOSE	159	42.600	52.000	-13%	Giảm	-17,7	-34,8	17,4	41,1	15,0	11,8	2,3	4,8	67,1	459,2	44,4
ELC	HOSE	97	24.300	28.400	-14%	Giảm	13,5	146,4	4,2	-1,9	29,0	31,7	2,4	0,0	187,1	1.505,7	45,3
BFC	HOSE	89	28.100	38.300	-23%	Bán	0,1	5,1	-8,0	15,9	9,3	14,1	1,9	3,9	133,4	671,7	42,5
ACV	UPCOM	9.777	Cập nhật	110.035	Cập nhật	Cập nhật	45,1	20,9	9,0	3,2	24,3	27,1	4,5	0,0	41,5	1.640,9	1,0
TCM	HOSE	211	Cập nhật	55.700	Cập nhật	Cập nhật	-23,3	-52,8	34,6	116,1	37,0	17,8	2,5	0,9	24,4	3.169,2	0,9

Nguồn: CTCK Rồng Việt, Giá tại ngày 3/6/2024

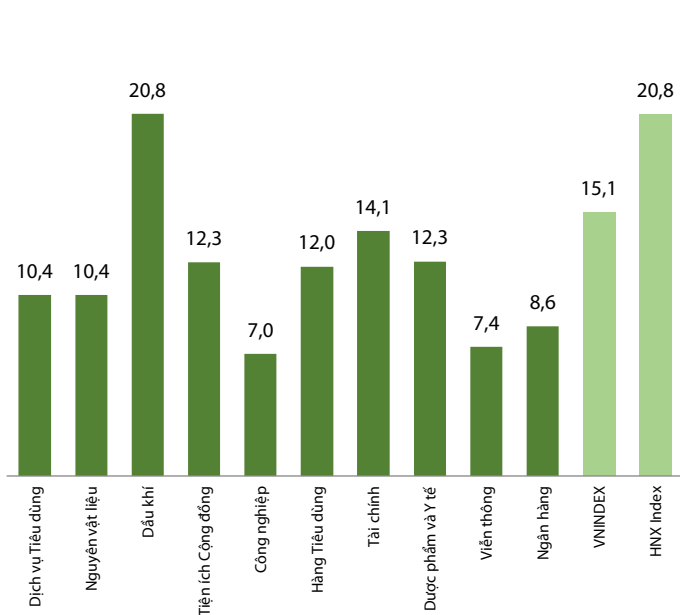
CHỈ SỐ CÁC NHÓM NGÀNH

Biến động nhóm ngành cấp 1



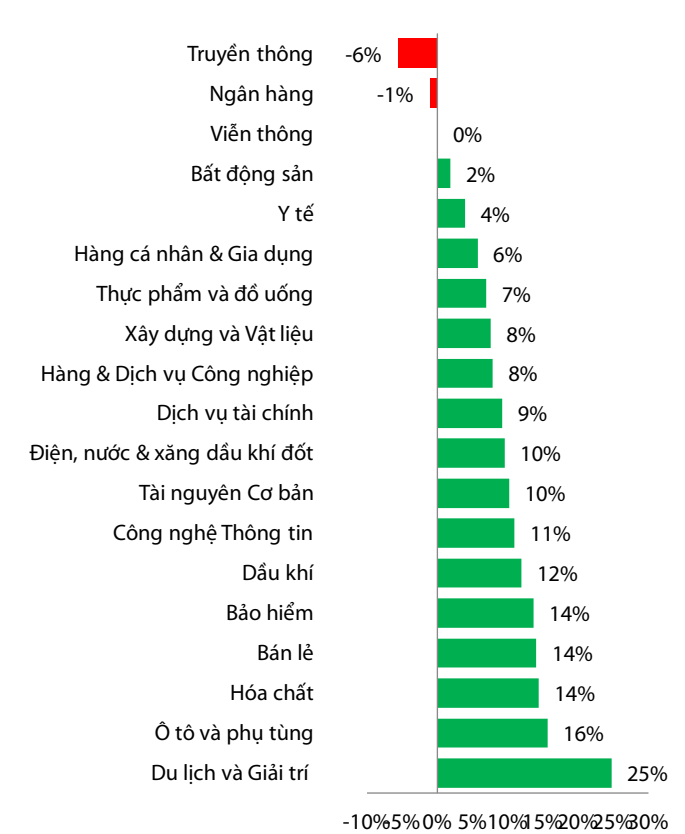
Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

So sánh chỉ số P/E ngành



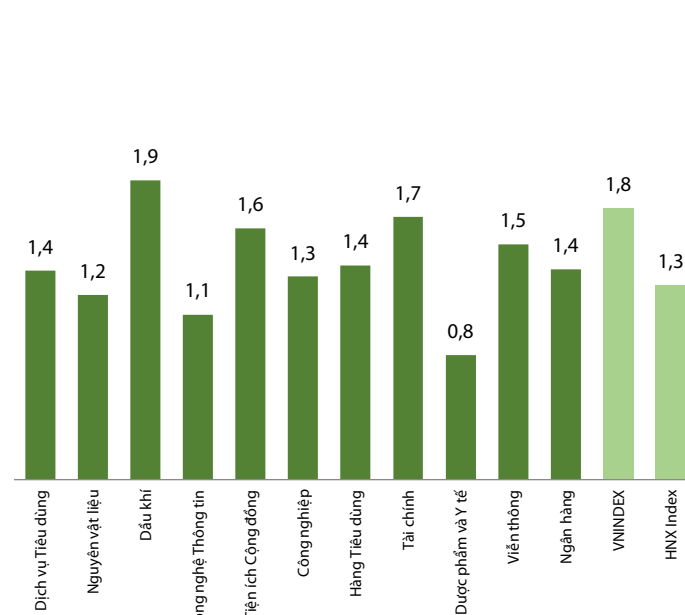
Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt.

Biến động chỉ số nhóm ngành cấp 2



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

So sánh chỉ số P/B ngành



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

Nguyễn Thị Phương Lam
Head of Research
 lam.ntp@vdsc.com.vn
 + 84 28 6299 2006 (1313)

Đỗ Thanh Tùng
Manager
 tung.dt@vdsc.com.vn
 + 84 28 6299 2006 (1521)
 • Hàng không
 • Công nghệ
 • Thị trường

Nguyễn Thị Ngọc An
Senior Analyst
 an.ntn@vdsc.com.vn
 + 84 28 6299 2006 (1526)
 • Thực phẩm & Đồ uống
 • Bán lẻ

Đỗ Thạch Lam
Senior Analyst
 lam.dt@vdsc.com.vn
 + 84 28 6299 2006 (1524)
 • BĐS dân dụng
 • Vật liệu xây dựng

Lê Tự Quốc Hưng
Analyst
 hung.ltq@vdsc.com.vn
 + 84 28 6299 2006 (1530)
 • Thị trường
 • BĐS Khu công nghiệp

Trần Thị Hà My
Senior Consultant
 my.tth@vdsc.com.vn
 + 84 28 6299 2006
 • Kinh tế vĩ mô

Hoàng Minh Thắng
Senior Analyst
 thang.hm@vdsc.com.vn
 + 84 28 6299 2006 (1530)
 • Tiềm ích công cộng

Cao Ngọc Quân
Analyst
 quan.cn@vdsc.com.vn
 + 84 28 6299 2006 (2223)
 • Cảng biển
 • Dược

Lê Ngọc Hiền
Analyst
 hien.ln@vdsc.com.vn
 + 84 28 6299 2006 (1524)
 • Thủy sản

Nguyễn Đặng Chính
Analyst
 chinh.nd@vdsc.com.vn
 + 84 28 6299 2006 (1530)
 • Ngân hàng

Phạm Hữu Luân
Analyst
 luan.ph@vdsc.com.vn
 + 84 28 6299 2006 (1526)
 • Kinh tế vĩ mô

Lê Kim Ngân
Analyst
 ngan.lk@vdsc.com.vn
 + 84 28 6299 2006 (1524)
 • Phân bón
 • Dầu khí

Nguyễn Bảo Hưng
Analyst
 hung.nb@vdsc.com.vn
 + 84 28 6299 2006 (1526)
 • Bán lẻ
 • Ô tô & Phụ tùng

Trần Thị Ngọc Hà
Assistant
 ha.ttn@vdsc.com.vn
 + 84 28 6299 2006 (1526)

Phan Thị Phương Thảo
Assistant
 thao.ptp@vdsc.com.vn
 + 84 28 6299 2006 (1526)

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. CTCK RỒNG VIỆT tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được CTCK RỒNG VIỆT thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của CTCK RỒNG VIỆT. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của CTCK RỒNG VIỆT đều trái luật. Bản quyền thuộc CTCK RỒNG VIỆT, 2024.



MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT - HỘI SỞ

Tầng 1 đến tầng 8, tòa nhà Viet Dragon
141 Nguyễn Du, P. Bến Thành, Q.1, TP.HCM

T (+84) 28 6299 2006 **E** info@vdsc.com.vn

F (+84) 28 6291 7986 **W** www.vdsc.com.vn

MST 0304734965

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 10, Tòa nhà Eurowindow
02 Tôn Thất Tùng, P. Trung Tự, Q. Đống Đa, Hà Nội

T (+84) 24 6288 2006

F (+84) 24 6288 2008

CHI NHÁNH NHA TRANG

Tầng 7, Tòa nhà Sacombank, số 76 Quang Trung,
P. Lộc Thọ, TP. Nha Trang, Khánh Hòa

T (+84) 25 8382 0006

F (+84) 25 8382 0008

CHI NHÁNH CẦN THƠ

Tầng 8, Tòa nhà Sacombank
95-97-99 Võ Văn Tần, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, Cần Thơ

T (+84) 29 2381 7578

F (+84) 29 2381 8387

CHI NHÁNH VŨNG TÀU

Tầng 2, Tòa nhà VCCI Building, số 155 Nguyễn Thái Học,
P.7, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

T (+84) 25 4777 2006

CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG

Tầng 3, Tòa nhà Becamex Tower, số 230 Đại lộ Bình Dương,
P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

T (+84) 27 4777 2006

CHI NHÁNH ĐỒNG NAI

Tầng 8, Tòa nhà TTC Plaza, số 53-55 Võ Thị Sáu,
P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

T (+84) 25 1777 2006

